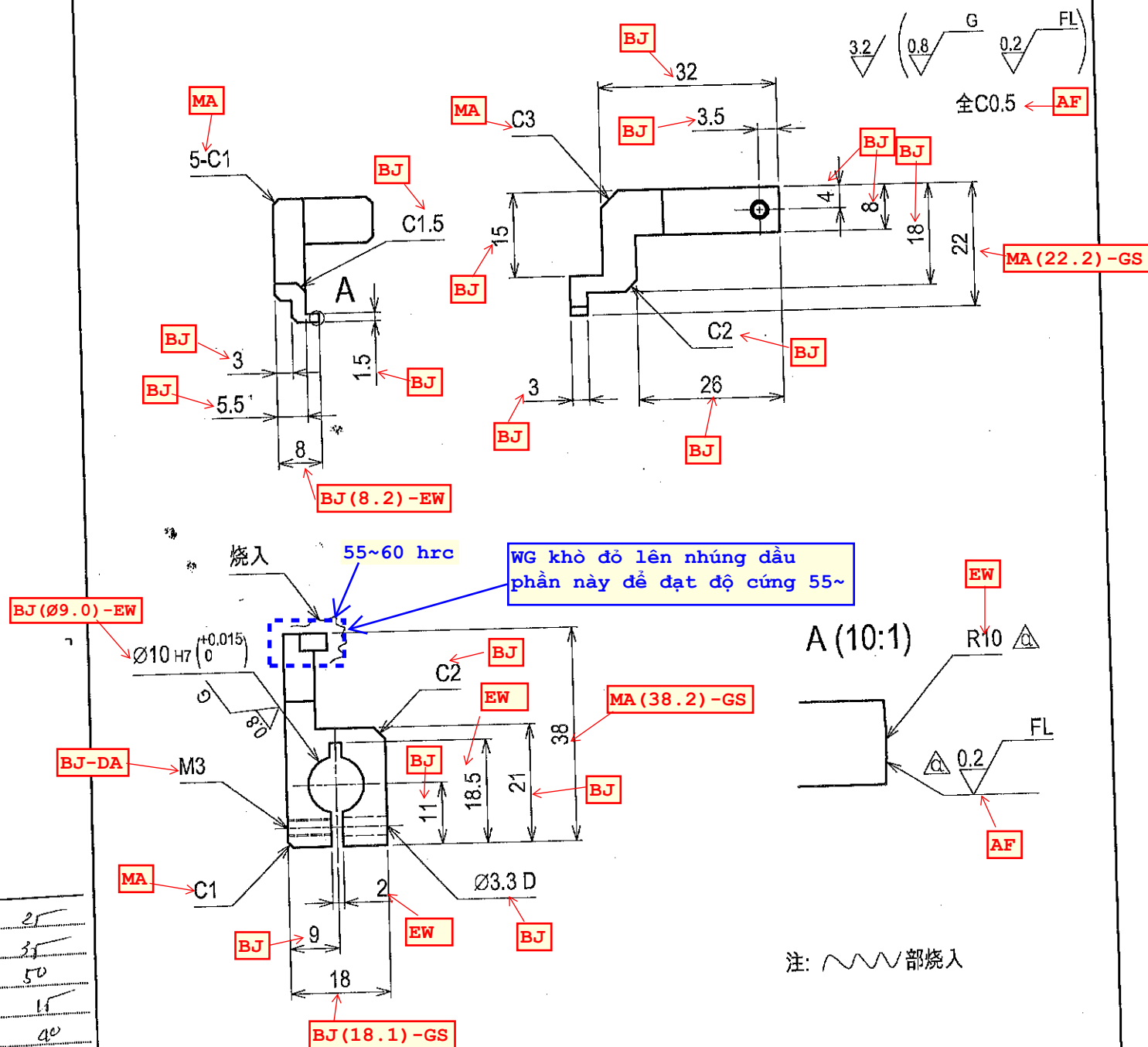
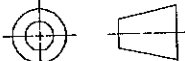


REV.	DATE	DESCRIPTION	REF. NO.	DWN.	CHKD.	CUTTING TOLERANCE	
init.	1994/05/31	新规划设计			aaq	aaq	0.5 ≤, ≤ 6 ±0.1
△a	2010/05/13	防止轴伤对策。R10圆角追加。材质淬火硬度变更: 64~68-60。	2010.5.13		Yang, Gui, Xia	Song, Feng	6 <, ≤ 30 ±0.2
△							30 <, ≤ 120 ±0.3
△							120 <, ≤ 315 ±0.5
△							TOLERANCES NOT OTHERWISE SPECIFIED



DWN.	CHKD.	TITLE		PARTS NAME	
Liang_Jian_Ling	Song_Feng	部品図		チャック	
QUENCH&TEMPER	SURFACE	PART DRAWING		CHUCK	
HRC	S08	部品図		頭	
MATERIAL	DATE	SCALE		DWG.No.	
G04	2009-10-08	1:1		S071651	

SNO: **S071651**

SỐ PCS TỐI THIỂU/1 LẦN ĐẶT HÀNG:

NGƯỜI THIẾT LẬP: **10197**

DIỄN GIẢI	THỜI GIAN CHUẨN 1P
1.VẬT LIỆU: G04 T19*27*43	AA:20 MA:30 BJ:75 DA:10 WG:30 GS:30 EW:75 AF:20 KT